

Bản án số: 150 /2025/DS-PT
Ngày: 31-3-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH E

- T2 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương
Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh E tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh E xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2024/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 482/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị Ngọc P, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 410, ấp P, xã Đ, huyện G, tỉnh E.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Đinh Văn Nhân, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 305/68, ấp Q, xã L, huyện L, tỉnh E.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Nguyễn Lê Minh T, sinh năm 1990

2.2. Anh Lữ Văn T2, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Số 304, ấp A, xã T, huyện N, tỉnh E.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 42/68/12 Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận B, TP H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Ngô Nguyễn Vĩnh T3, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 410, ấp Phú Thuận, xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh E.

3.2. Chị Trần Thị Như Q, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện N, tỉnh E.

3.3. Anh Đinh Phước T5, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng);

Địa chỉ: Ấp L, xã An Thới, huyện N, tỉnh E.

3.4. Chị Võ Thị Mai P, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp K, xã T2 Thới A, huyện N, tỉnh E.

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Lê Minh T, anh Lữ Văn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Cao Thị Ngọc P và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Dựa vào chỗ quen biết với chị Lê Thị Minh T và biết chị T làm chủ hội nên chị Cao Thị Ngọc P có tham gia chơi hội do chị T làm chủ hội, chị P đóng hội cho chị T hằng ngày (hội ngày, hội tuần, hội 10 ngày, hội tháng) bằng hình thức chuyển khoản. Chị P chuyển khoản cho chị T bằng hai số tài khoản của Ngân hàng....., chuyển đến một số tài khoản của chị T có số tài khoản.....của Sacombank. Bao gồm các dây hội như sau:

* Dây hội ngày dương lịch:

- Dây hội thứ 1: Hội 1.000.000 đồng/ngày, mở ngày 27/11/2023 kết thúc ngày 20/12/2023, dần thăm 75.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 350.000 đồng, có 24 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 01 ngày số tiền 925.000 đồng.

- Dây hội thứ 2: Hội 5.000.000 đồng/ngày, mở ngày 26/11/2023 kết thúc ngày 13/12/2023, dần thăm 380.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 1.300.000 đồng, có 18 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 02 ngày số tiền 9.240.000 đồng.

- Dây hội thứ 3: Hội 2.000.000 đồng/ngày, mở ngày 05/11/2023 kết thúc ngày 05/12/2023, dần thăm 160.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 850.000 đồng, có 31 phần, chị P tham gia chơi 02 phần (01 phần sống, 01 phần chết). Phần hội sống đóng được 23 ngày số tiền 42.320.000 đồng. Phần chết hốt vào ngày 25/11/2023 với số tiền 57.710.000 đồng, hội chết còn phải đóng là 10.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 4: Hụi 2.000.000 đồng/ngày, mở ngày 26/11/2023 kết thúc ngày 13/12/2023, dẫn thăm 150.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 600.000 đồng, có 18 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 02 ngày số tiền 3.700.000 đồng.

- Dây hụi thứ 5: Hụi 5.000.000 đồng/ngày, mở ngày 25/11/2023 kết thúc ngày 10/12/2023, dẫn thăm 380.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 1.300.000 đồng, có 16 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 03 ngày số tiền 13.860.000 đồng.

- Dây hụi thứ 6: Hụi 3.000.000 đồng/ngày, mở ngày 24/11/2023 kết thúc ngày 13/12/2023, dẫn thăm 230.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 1.000.000 đồng, có 20 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 04 ngày số tiền 11.080.000 đồng.

- Dây hụi thứ 7: Hụi 3.000.000 đồng/ngày, mở ngày 23/11/2023 kết thúc ngày 04/12/2023, dẫn thăm 230.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 750.000 đồng, có 12 phần, chị P tham gia chơi 02 phần, đóng được 05 ngày số tiền 27.700.000 đồng.

- Dây hụi thứ 8: Hụi 3.000.000 đồng/ngày, mở ngày 23/11/2023 kết thúc ngày 04/12/2023, dẫn thăm 230.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 750.000 đồng, có 12 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 05 ngày số tiền 13.850.000 đồng.

- Dây hụi thứ 9: Hụi 5.000.000 đồng/ngày, mở ngày 23/11/2023 kết thúc ngày 04/12/2023, dẫn thăm 380.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 1.000.000 đồng, có 12 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 05 ngày số tiền 23.100.000 đồng.

- Dây hụi thứ 10: Hụi 5.000.000 đồng/ngày, mở ngày 20/11/2023 kết thúc ngày 11/12/2023, dẫn thăm 380.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 1.000.000 đồng, có 12 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 08 ngày số tiền 36.960.000 đồng.

- Dây hụi thứ 11: Hụi 5.000.000 đồng/ngày, mở ngày 20/11/2023 kết thúc ngày 11/12/2023, dẫn thăm 380.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 1.000.000 đồng, có 12 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 08 ngày số tiền 36.960.000 đồng.

- Dây hụi thứ 12: Hụi 5.000.000 đồng/ngày, mở ngày 20/11/2023 kết thúc ngày 11/12/2023, dẫn thăm 380.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 1.000.000 đồng, có 12 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 08 ngày số tiền 36.960.000 đồng.

- Dây hụi thứ 13: Hụi 5.000.000 đồng/ngày, mở ngày 18/11/2023 kết thúc ngày 29/11/2023, dẫn thăm 380.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 1.000.000 đồng, có 12 phần, chị P tham gia chơi 01 phần. Ngày 27/11/2023, chị P hốt hụi, số tiền hụi chết còn phải đóng là 5.000.000 đồng.

- Dây hui thứ 14: Hui 1.000.000 đồng/ngày, mở ngày 11/11/2023 kết thúc ngày 18/12/2023, dẫn thăm 80.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 300.000 đồng, có 38 phần, chị P tham gia chơi 02 phần, đóng được 17 ngày số tiền 31.280.000 đồng.

- Dây hui thứ 15: Hui 5.000.000 đồng/ngày, mở ngày 24/11/2023 kết thúc ngày 11/12/2023, dẫn thăm 380.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 1.300.000 đồng, có 18 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 04 ngày số tiền 18.480.000 đồng.

* Dây hui tuần:

- Dây hui thứ 16: Hui 5.000.000 đồng/tuần, mở ngày 13/10/2023 kết thúc ngày 16/02/2024, dẫn thăm 1.100.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 2.000.000 đồng, có 18 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 07 tuần số tiền 27.300.000 đồng.

- Dây hui thứ 17: Hui 3.000.000 đồng/tuần, mở ngày 07/9/2023 kết thúc ngày 01/01/2024, dẫn thăm tự do, sắn 350.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 1.200.000 đồng, có 18 phần, chị P tham gia chơi 02 phần (01 phần sống, 01 phần chết). Phần hui sống đóng được 12 tuần số tiền 26.210.000 đồng. Phần hui chết hốt số tiền 43.850.000 đồng, hui chết còn phải đóng là 15.000.000 đồng.

- Dây hui thứ 18: Hui 5.000.000 đồng/tuần, mở ngày 26/9/2023 kết thúc ngày 12/12/2023, dẫn thăm tự do, sắn 800.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 1.800.000 đồng, có 12 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 09 tuần số tiền 31.000.000 đồng.

- Dây hui thứ 19: Hui 5.000.000 đồng/tuần, mở ngày 04/10/2023 kết thúc ngày 23/01/2024, dẫn thăm 1.000.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 2.000.000 đồng, có 14 phần, chị P tham gia chơi 02 phần, đóng được 08 tuần số tiền 64.000.000 đồng.

- Dây hui thứ 20: Hui 5.000.000 đồng/tuần, mở ngày 27/8/2023 kết thúc ngày 17/12/2023, dẫn thăm tự do, sắn 800.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 2.000.000 đồng, có 17 phần, chị P tham gia chơi 02 phần (01 phần sống, 01 phần chết). Phần hui sống đóng được 14 tuần số tiền 49.700.000 đồng. Phần hui chết hốt số tiền 73.350.000 đồng, hui chết còn phải đóng là 15.000.000 đồng.

* Dây hui 10 ngày:

- Dây hui thứ 21: Hui 10.000.000 đồng/10 ngày, mở ngày 30/10/2023 kết thúc ngày 11/3/2024, dẫn thăm 2.500.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 4.000.000 đồng, có 14 phần, chị P tham gia chơi 02 phần, đóng được 03 kỳ số tiền 45.000.000 đồng.

- Dây hui thứ 22: Hui 10.000.000 đồng/10 ngày, mở ngày 30/6/2023 kết thúc ngày 30/01/2024, dẫn thăm tự do, khi một T2 viên hốt trừ thảo 2.100.000 đồng, có 22 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 15 kỳ số tiền 51.490.000 đồng.

* Dây hụi 15 ngày:

- Dây hụi thứ 23: Hụi 5.000.000 đồng/15 ngày, mở ngày 29/7/2023 kết thúc ngày 11/5/2024, dẫn thăm tự do, khi một T2 viên hốt trừ thảo 2.200.000 đồng, có 20 phần, chị P tham gia chơi 02 phần, đóng được 08 kỳ số tiền 48.600.000 đồng.

- Dây hụi thứ 24: Hụi 5.000.000 đồng/15 ngày, mở ngày 01/10/2023 kết thúc ngày 05/5/2024, dẫn thăm tự do, khi một T2 viên hốt trừ thảo 2.000.000 đồng, có 15 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 04 kỳ số tiền 11.650.000 đồng.

* Dây hụi tháng dương lịch:

- Dây hụi thứ 25: Hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 23/9/2023 kết thúc ngày 23/12/2024, dẫn thăm tự do, khi một T2 viên hốt trừ thảo 5.000.000 đồng, có 16 phần, chị P tham gia chơi 02 phần, đóng được 03 tháng số tiền 32.500.000 đồng.

- Dây hụi thứ 26: Hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 22/3/2023 kết thúc ngày 22/8/2024, dẫn thăm tự do, khi một T2 viên hốt trừ thảo 5.000.000 đồng, có 18 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 09 tháng số tiền 41.150.000 đồng.

- Dây hụi thứ 27: Hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 17/6/2023 kết thúc ngày 17/6/2024, dẫn thăm 2.800.000 đồng, khi một T2 viên hốt trừ thảo 4.000.000 đồng, có 13 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 07 tháng số tiền 50.400.000 đồng.

- Dây hụi thứ 28: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15/02/2023 kết thúc ngày 15/4/2024, dẫn thăm tự do, khi một T2 viên hốt trừ thảo 2.500.000 đồng, có 15 phần, chị P tham gia chơi 01 phần, đóng được 10 tháng số tiền 29.750.000 đồng.

Việc tham gia đóng hụi và hốt hụi đều được thực hiện bởi giao dịch chuyển khoản qua Ngân hàng. Chị P đã cung cấp bản in sao kê của Ngân hàng tất cả các giao dịch này để làm cơ sở. Tổng số tiền chị P đã đóng cho chị T sau khi trừ phần hụi chết còn lại 855.000.000 đồng. Đến ngày 28/11/2023, chị T tuyên bố vỡ hụi không còn khả năng thanh toán. Vào ngày 01/12/2023, chị T có xác nhận số tiền đã thiếu chị P như sau “Tôi tên Nguyễn Lê Minh T, sinh năm 1990. Chị P có số tiền hụi dương số tiền như trên bên tôi 855.000.000 đồng” và đồng ý ký tên (chữ viết và chữ ký trong văn bản do chị T viết). Hình thức ở đây hụi dương có nghĩa là hụi chị P còn sống và chưa được kêu hốt, do chị T tuyên bố vỡ hụi nên hai bên có chốt công nợ với tổng số tiền 855.000.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi chị cộng lại xác định tổng số tiền hụi chị T còn nợ lại chị P sau khi trừ 35.000.000 đồng tiền hụi chết chị P phải đóng cho chị T là 825.3657.000 đồng. Mặc dù chị T không đồng ý trừ tiền hụi chết vào nhưng chị vẫn xác định số tiền chị T còn nợ chị là 825.3657.000 đồng. Đối với số tiền hụi chết chị P và chị T sẽ giải quyết trong một vụ án khác nếu có tranh chấp.

Chị P khẳng định hoàn toàn không có việc mua bán hụi giữa chị, chị T và những người chị T trình bày. Chị tham gia chơi hụi một mình, tiền đều chuyển khoản qua lại giữa tài khoản ATM của chị và chị T, chỉ duy nhất một lần do thẻ ATM của chị bị lỗi nên chị T có chuyển khoản qua tài khoản ATM của anh Ngô Nguyễn Vĩnh T3 (chồng chị P) số tiền hụi chị hót. Tuy nhiên, số tiền hụi này là của dây hụi khác, đã mãi lâu, không nằm trong các dây hụi chị yêu cầu. Hụi này một mình chị P tham gia, anh T3 không có tham gia, việc chị P ghi “Ngô Nguyễn Vĩnh T3 chuyển khoản” là do chị tham gia chơi nhiều dây hụi, các hụi viên nhiều người tên P nên chị T kêu chị ghi vậy cho dễ phân biệt, tất cả đều chuyển bằng tài khoản của chị.

** Đối với số tiền vay:*

Vào ngày 24/11/2023, chị P có cho chị T vay số tiền 250.000.000 đồng. Hình thức giao nhận tiền: chuyển khoản, chị chuyển khoản vào tài khoản ATM Sacombank của chị T. Chị T nói vay để có việc gia đình. Chị T hứa đến ngày 05/12/2023 sẽ hoàn trả lại cho chị P nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Chị T mở hụi nhằm để phát triển kinh tế gia đình nên ông Lữ Văn T2 (chồng chị T) cũng có trách nhiệm liên đới trả số tiền nêu trên.

Số tiền vay 70.000.000 đồng chị T trình bày do chị T đã thanh toán xong nên chị P không đề cập. Căn cứ vào in sao kê của chị P thì xác định chị P đã chuyển khoản cho chị T 4.015.020.000 đồng, số tiền chị T chuyển khoản cho chị P là 2.927.325.000 đồng, số tiền còn lại là cao hơn số tiền chị P yêu cầu nhưng do đây là giao dịch về hụi nên chị P giữ nguyên lời trình bày về số tiền hụi chị T còn nợ lại chị P.

Nay chị Cao Thị Ngọc P thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện. Chị P khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Lê Minh T và anh Lữ Văn T2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả tổng số tiền vay và hụi là 1.075.365.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trong đó: Số tiền vay là 250.000.000 đồng và số tiền hụi là 825.365.000 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Lê Minh T trình bày:

Chị xin rút yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chị Cao Thị Ngọc P và anh Ngô Nguyễn Vĩnh T3 liên đới hoàn trả số tiền 1.450.000.000 đồng.

Do thời gian đã lâu, số lượng cụ thể các dây hụi chị P tham gia chơi và số tiền đã đóng của các dây hụi chị không nhớ rõ. Việc tham gia đóng hụi và hót hụi đều được thực hiện bởi giao dịch chuyển khoản qua Ngân hàng. Chị thống nhất với bản in sao kê về số tiền chị P chuyển cho chị và số tiền chị đã chuyển cho chị P. Tuy nhiên, trong đó có một vài lần khi chị P hót hụi có yêu cầu chị chuyển khoản qua tài khoản thẻ của anh Ngô Nguyễn Vĩnh T3 (chồng chị P), có một vài dây hụi anh T3 tham gia chơi nhưng chuyển khoản bằng tài khoản của chị P và ghi “Ngô Nguyễn Vĩnh T3 chuyển khoản”. Ngoài ra, trong các dây hụi chị P liệt kê có vài dây hụi chị

P đã thỏa thuận mua bán với người khác khoảng 28.000.000 đồng, thỏa thuận bằng tin nhắn, không có lập T2 văn bản nhưng do máy bị reset nên tin nhắn không còn và chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Chị thừa nhận toàn bộ văn bản có nội dung “Tôi tên Nguyễn Lê Minh T có mượn chị Cao Thị Ngọc P số tiền 250.000.000 VNĐ (hai trăm năm mươi triệu đồng”, đến ngày 5/12/2023 trả số tiền trên, An Hòa –MCN-BT” là do chị tự viết và ký tên, ghi rõ họ tên phía dưới chữ ký. Chị có vay của chị P số tiền 250.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 24/11/2023, đến ngày 01/12/2023 chị mới viết giấy nợ có nội dung trên. Chị vay tiền của chị P nhằm mục đích để giao hội cho các hội viên, do chị bị một số hội viên giật hội.

Ngoài ra, vào ngày 25/11/2023 chị có vay của chị P số tiền 70.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, có đóng lãi được 840.000 đồng và đã trả vào ngày 26/11/2023.

Chị thừa nhận toàn bộ văn bản có nội dung “Tôi tên Nguyễn Lê Minh T, sinh năm 1990 chị P có số tiền hội dương Số tiền như trên bên tôi 855.000.000 Đ Đ/C: An Hòa, An Thới, N, E” là do chị tự viết và ký tên, ghi rõ họ tên phía dưới chữ ký. Tuy nhiên, vào thời điểm ký tên chị có nói với chị P chị chỉ ký thôi, còn số tiền chị nợ chị P chính xác là bao nhiêu chị sẽ kiểm tra và thống nhất sau.

Căn cứ vào số tiền in sao kê do chị P cung cấp xác định tổng số tiền chị P đã chuyển khoản cho chị là 3.339.630.000 đồng, số tiền chị đã chuyển khoản cho chị P là 2.663.670.000 đồng nên hiện chị chỉ còn nợ chị P tổng số tiền vay và hội là 606.100.000 đồng, trong đó số tiền hội 356.100.000 đồng và số tiền vay là 250.000.000 đồng.

Chị không đồng ý trừ phần tiền hội chết chị P phải đóng cho chị vào phần tiền hội chị còn nợ lại chị P. Chị sẽ khởi kiện chị P số tiền hội chết này trong một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Nay chị chỉ đồng ý hoàn trả cho chị P tổng số tiền vay và hội là 606.100.000 đồng, trong đó có 250.000.000 đồng tiền vay và 510.210.000 đồng tiền hội.

Chị và anh Lữ Văn T2 là vợ chồng hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn vào năm 2015, thời gian đầu anh T2 ở Bình Dương, chị ở E, đến năm 2017 anh T2 và chị cùng sống chung tại gia đình chị ở xã An Thới, huyện N và hiện vẫn còn tồn tại hôn nhân, không có mâu thuẫn nào với nhau. Chị và anh T2 làm riêng nhưng sinh hoạt, ăn uống chung, anh T2 có biết chị giao dịch hội nhưng không biết danh sách hội viên, số tiền hội bao nhiêu. Chị chơi hội nhằm mục đích kiếm lời, nuôi con và sinh hoạt hằng ngày.

Bị đơn anh Lữ Văn T2 trình bày:

Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị P, không đồng ý liên đới cùng chị T hoàn trả số tiền vay và hui cho chị P.

Khi chị T vay tiền của chị P thì anh không biết. Đến ngày 01/12/2023, lúc này chị T viết giấy nợ cho chị P thì anh mới biết. Tất cả tiền vay và tiền hui đều chuyển khoản qua tài khoản của chị T.

Anh và chị T có đăng ký kết hôn vào năm 2015 và hiện còn tồn tại hôn nhân. Tuy nhiên, kinh tế của mỗi người độc lập, công việc không có liên quan đến nhau, mỗi tháng mỗi người đóng góp một số tiền cụ thể để cùng nhau phục vụ 5 nhu cầu sinh hoạt gia đình, nuôi dạy con cái, cũng có vài tháng chị T kẹt tiền không có tiền để đóng góp thì anh có phụ nhưng không hỏi lý do và tháng sau chị T có bù lại. Anh có biết chị T tham gia giao dịch về hui nhưng không biết cụ thể như thế nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Nguyễn Vĩnh T3 trình bày:

Ngày 08/9/2023, chị Nguyễn Lê Minh T có chuyển cho anh số tiền 101.800.000 đồng. Số tiền này là do chị Cao Thị Ngọc P (vợ của anh) dùng tài khoản của anh để giao dịch vấn đề góp hui. Do đó, anh không có liên quan tới việc chơi hui này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Thông nhất hoàn toàn phần trình bày của các bị đơn. Không thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu với tổng số tiền 606.110.000 đồng, trong đó tiền vay là 250.000.000 đồng, tiền hui là 356.110.000 đồng.

Đối với số tiền hui: Do dữ liệu không còn nên chị T chưa xác định được số tiền hui, đây hui chị P tham gia chơi. Trong các dây hui chị P khởi kiện có một số dây hui chị P mua bán với người khác khoảng 28 triệu đồng nhưng chị T không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Chị P và anh T3 đều có tham gia chơi hui, anh T3 cho rằng không có tham gia chơi là không đúng. Anh T2 không biết việc chị T vay tiền của chị P. Giao dịch hui và vay qua hai tài khoản của chị T. Chị T thống nhất hoàn toàn bản sao kê chị P cung cấp cho Tòa án. Mục đích vay tiền để chàng hui, chơi hui để có tiền đóng góp chung lo cho gia đình và con. Kinh tế của vợ chồng là độc lập nhau nên anh T2 không đồng ý cùng chị T liên đới trả nợ.

Do hòa giải không T2, Tòa án nhân dân huyện N đưa vụ án ra xét xử. Tại quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2024/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cao Thị Ngọc P về việc tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản.

Buộc chị Nguyễn Lê Minh T và anh Lữ Văn T2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Cao Thị Ngọc P tổng số tiền vay và hui là 1.075.365.000 đồng. Trong đó:

Số tiền vay là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền hui là 825.365.000 đồng.

Ghi nhận chị P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chị T và anh T2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Lê Minh T về việc yêu cầu chị Cao Thị Ngọc P và anh Ngô Nguyễn Vĩnh T3 liên đới bồi thường số tiền 1.450.000.000 đồng.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 46/2024/QĐ-BPKCTT ngày 02/8/2024 về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với phần đất thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp An Hòa, xã An Thới, huyện N, tỉnh E do Sở Tài nguyên và Môi T3 tỉnh E cấp cho Nguyễn Lê Minh T ngày 18/7/2019, Số vào sổ cấp GCN:CS05356 để đảm bảo thi hành. Biện pháp khẩn cấp tạm thời này để đảm bảo thi hành án cho chị Cao Thị Ngọc P và Tòa án sẽ ra quyết định hủy bỏ khi thuộc một trong các T3 hợp pháp luật quy định.

Tiếp tục duy trì biện pháp bảo đảm đã được áp dụng theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 49/2024/QĐ-BPBD ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện N buộc gửi tài sản có giá trị bảo đảm là 150.000.000 đồng vào tài khoản số 7100205481170 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện N E.

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/11/2024, chị Nguyễn Lê Minh T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể: Chị T yêu cầu không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị T và anh Lữ Văn T2 liên đới trả cho chị P tổng số tiền 1.075.365.000 đồng; không chấp nhận trả tiền nợ hui 825.365.000 đồng; cá nhân chị T chỉ đồng ý trả cho chị P tổng số tiền 606.110.000 đồng (trong đó: tiền hui là 356.110.000 đồng, tiền vay là 250.000.000 đồng).

Ngày 20/11/2024, anh Lữ Văn T2 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh T2 liên đới cùng chị T trả cho chị P tổng số tiền 1.075.365.000 đồng (trong đó: tiền hui là 356.110.000 đồng, tiền vay là 250.000.000 đồng) vì số tiền này không liên quan đến anh T2, việc kinh doanh, buôn bán, làm ăn của gia đình bên vợ anh không có tham gia.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Lê Minh T, không chấp nhận kháng cáo của anh Lữ Văn T2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2024/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của chị Nguyễn Lê Minh T, anh Lữ Văn T2; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Lê Minh T, anh Lữ Văn T2 nộp trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn chị Cao Thị Ngọc P khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Lê Minh T và anh Lữ Văn T2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Cao Thị Ngọc P tổng số tiền vay và hụi là 1.075.365.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trong đó: Số tiền vay là 250.000.000 đồng và số tiền hụi là 825.365.000 đồng. Bị đơn chị Nguyễn Lê Minh T chỉ đồng ý hoàn trả cho chị P tổng số tiền vay và hụi là 606.100.000 đồng, trong đó có 250.000.000 đồng tiền vay và 510.210.000 đồng tiền hụi. Bị đơn anh Lữ Văn T2 không đồng ý liên đới cùng chị T trả nợ tiền vay và tiền hụi cho chị P.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.1] Đối với số tiền nợ vay:

Chị P và chị T thống nhất vào ngày 24/11/2023 chị T có vay của chị P số tiền 250.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Đến ngày 01/12/2023, chị T viết giấy nợ có nội dung “*Tôi tên Nguyễn Lê Minh T có mượn chị Cao Thị Ngọc P số tiền 250.000.000 VNĐ (hai trăm năm mươi triệu đồng)*”, đến ngày 5/12/2023 trả số tiền trên, An Hòa –MCN-BT”. Vì vậy, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị P yêu cầu chị T hoàn trả số tiền nợ vay 250.000.000 đồng và chị T cũng đồng ý. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận và buộc chị T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị P số tiền vay 250.000.000 đồng là phù hợp.

[2.1.2] Đối với số tiền nợ hụi:

Chị P và chị T thống nhất chị Cao Thị Ngọc P có tham gia chơi các dây hụi do chị Nguyễn Lê Minh T làm chủ hụi, hình thức giao nhận tiền là chuyển khoản. Nguyên đơn có cung cấp danh sách hụi ngày 27/11/2023 và 31 tờ giấy không tiền có nội dung ghi danh sách hụi nhưng các tài liệu này do nguyên đơn tự viết, không có xác nhận của chị T. Trong khi đó, chị T lại cho rằng do thời gian đã lâu, số lượng cụ thể các dây hụi chị P tham gia chơi và số tiền đã đóng của các dây hụi chị không nhớ rõ. Do đó, không thể căn cứ vào danh sách hụi do chị P cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án. Tuy nhiên, trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất việc đóng hụi, giao hụi đều thông qua giao dịch chuyển khoản bằng tài khoản ngân hàng và chị T cũng thống nhất với bản in sao kê do chị P cung cấp về số tiền chị P chuyển cho chị T và số tiền chị T đã chuyển cho chị P. Căn cứ vào các bản in sao kê của Ngân hàng từ tháng 8/2023 đến tháng 11/2023 do nguyên đơn cung cấp thể hiện số tiền hụi chị P đã chuyển khoản cho chị T qua số tài khoản 191990 tại Sacombank và Vietinbank tổng cộng 131 lượt với tổng số tiền là 4.406.450.000 đồng và số tiền chị T đã chuyển cho chị P là 2.927.325.000 đồng. Tại phiên tòa, chị T cho rằng có một lần chị chuyển khoản qua tài khoản của anh Vĩnh T3 101.800.000 đồng nên sau khi trừ vào phần tiền hụi này còn lại số tiền là 906.895.000 đồng nhưng chị P chỉ yêu cầu chị T trả số tiền 825.365.000 đồng là thấp hơn so với số tiền thực tế chị P đã chuyển cho chị T. Mặt khác, căn cứ vào giấy tay không tiêu đề có nội dung ghi “Tôi tên Nguyễn Lê Minh T, sinh năm 1990 chị P có số tiền hụi dương Số tiền như trên bên tôi 855.000.000 Đ Đ/C: An Hòa, An Thới, N, E” chị T thừa nhận do chị tự viết và ký tên, ghi rõ họ tên phía dưới chữ ký. Tuy nhiên, vào thời điểm ký tên chị có nói với chị P chị chỉ ký thôi, còn số tiền chị nợ chị P chính xác là bao nhiêu chị sẽ kiểm tra và thống nhất sau nhưng chị T không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này và chị T cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác.

Đối với số tiền hụi chị P chuyển khoản cho chị T có nội dung ghi “Ngô Nguyễn Vĩnh T3 chuyển khoản”. Anh T3 cho rằng không có liên quan đến giao dịch này. Chị T cho rằng anh T3 có tham gia nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh trong khi số tiền chuyển khoản này đều được thực hiện từ tài khoản của chị P nên chị P có quyền yêu cầu chị T hoàn trả số tiền hụi đã đóng là phù hợp. Anh T3 nếu có tranh chấp được quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị P số tiền nợ hụi 825.365.000 đồng là phù hợp.

[2.1.3] Đối với yêu cầu tính lãi:

Chị P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chị T và anh T2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả là sự tự nguyện nên ghi nhận.

[2.1.4] Đối với nghĩa vụ liên đới:

Chị Cao Thị Ngọc P yêu cầu anh Lữ Văn T2 phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị Nguyễn Lê Minh T hoàn trả số tiền nợ hụi và tiền lãi. Anh T2 không đồng ý liên đới cùng chị T hoàn trả số tiền nợ cho chị P. Xét thấy, chị T và anh T2 thống nhất anh chị là vợ chồng hợp pháp và có đăng ký kết hôn vào năm 2015. Thời gian diễn ra giao dịch vay tiền và góp hụi giữa chị P và chị T thì chị T và anh T2 vẫn sống chung nhà và hiện tại anh chị vẫn còn tồn tại hôn nhân. Anh T2 thừa nhận anh có biết việc chị T làm chủ hụi nhưng không biết rõ cụ thể như thế nào. Chị T trình bày chị chơi hụi nhằm mục đích kiếm lời phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình và nuôi con nhưng do chị bị giật hụi nên tiền chị vay của chị P nhằm mục đích thanh toán tiền hụi. Trong cuộc sống hôn nhân của anh chị do tính chất công việc nên mặc dù mỗi người làm một nghề khác nhau, làm kinh tế riêng nhưng thu nhập của mỗi người đều nhằm mục đích phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của gia đình, anh T2 và chị T cùng sống chung nhà từ năm 2017, ăn chung, sinh hoạt chung. Vì vậy, anh T2 phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị T hoàn trả số tiền nợ vay và hụi theo quy định tại các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1.5] Đối với yêu cầu về việc tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P có yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của chị T là quyền sử dụng đất thửa đất số 108, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp An Hòa, xã An Thới, huyện N, tỉnh E. Chị P đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh sự cần thiết áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và thực hiện biện pháp bảo đảm theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm, gửi tài sản có giá trị bảo đảm là 150.000.000 đồng vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện N E, thực hiện đủ thủ tục đúng quy định của pháp luật nên ngày 02/8/2024 Tòa án đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 46/2024/QĐ-BPKCTT phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ Nguyễn Lê Minh T đối với phần đất thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp An Hòa, xã An Thới, huyện N, tỉnh E.

Tại phiên tòa, chị P yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời. Thấy rằng, do yêu cầu khởi kiện của chị P với chị T và anh T2 có căn cứ và được chấp nhận toàn bộ. Vì vậy, việc tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 46/2024/QĐ-BPKCTT ngày 02/8/2024 về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với phần đất thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp An Hòa, xã An Thới, huyện N, tỉnh E do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp cho Nguyễn Lê Minh T ngày 18/7/2019, Số vào sổ cấp GCN:CS05356 là cần thiết để đảm bảo thi hành cho Cao Thị Ngọc P.

Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của chị Nguyễn Lê Minh T, anh Lữ Văn T2 là không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên Bản án dân

sự sơ thẩm số: 188/2024/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị T, anh T2 phải chịu án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Lê Minh T.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lữ Văn T2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2024/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N.

Căn cứ vào các Điều 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 4, các Điều 15, 18, 22, 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cao Thị Ngọc P về việc tranh chấp hợp đồng góp hội và vay tài sản.

Buộc chị Nguyễn Lê Minh T và anh Lữ Văn T2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Cao Thị Ngọc P tổng số tiền vay và hội là 1.075.365.000 đồng. Trong đó: Số tiền vay là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền hội là 825.365.000 đồng.

Ghi nhận chị P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chị T và anh T2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các T3 hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ T3 hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Lê Minh T về việc yêu cầu chị Cao Thị Ngọc P và anh Ngô Nguyễn Vĩnh T3 liên đới bồi thường số tiền 1.450.000.000 đồng.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 46/2024/QĐ-BPKCTT ngày 02/8/2024 về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với phần đất thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp An Hòa, xã An Thới, huyện N, tỉnh E do Sở Tài nguyên và Môi T3 tỉnh E cấp cho Nguyễn Lê Minh T ngày 18/7/2019, Số vào sổ cấp GCN:CS05356 để đảm bảo thi hành. Biện pháp khẩn cấp tạm thời này để đảm bảo thi hành án cho chị Cao Thị Ngọc P và Tòa án sẽ ra quyết định hủy bỏ khi thuộc một trong các T3 hợp pháp luật quy định.

Tiếp tục duy trì biện pháp bảo đảm đã được áp dụng theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 49/2024/QĐ-BPBD ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện N buộc gửi tài sản có giá trị bảo đảm là 150.000.000 đồng vào tài khoản số 7100205481170 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện N E.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Lê Minh T và anh Lữ Văn T2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 44.260.950 đồng.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Lê Minh T số tiền tạm ứng án phí 27.750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0002285 ngày 19/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Hoàn trả cho chị Cao Thị Ngọc P số tiền tạm ứng án phí 18.825.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0003806 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

5. Về án phí phúc thẩm:

Chị Nguyễn Lê Minh T và anh Lữ Văn T2 mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003279, 0003280 cùng ngày 16/11/2024 của Chi cục Thi hành án huyện N.

T3 hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh E;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Phòng TT,KT&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thu Hương